

**THÀNH PHẦN:** Mỗi chai dung dịch chứa: • Povidon iod 10 % (khối lượng/thể tích) • tương đương iod tự do 1 % (khối lượng/thể tích) • Tá dược: Glycerin, Dinatri anhydrous Hydrogen Phosphat, acid Citric khan, Tetrasodium EthyleneDiamineTetraacetate, nước.

**DẠNG BÀO CHẾ:** Dung dịch thuốc dùng ngoài. **QUI CÁCH ĐÓNG GÓI:** Chai HDPE màu vàng 15 ml, 30 ml, 180 ml, 450 ml. **CHỈ ĐỊNH:** Điều trị các vết thương và ngăn ngừa nhiễm trùng đối với các vi khuẩn nhạy cảm. LeoPovidone có thể được dùng cho các vết bỏng, vết trầy xước. **LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:** \* Cách dùng: Sau khi làm sạch vết thương, bôi LeoPovidone lên khu vực bị nhiễm trùng. Được khuyến cáo làm sạch các cặn bã trước khi bôi lại bằng các dung dịch sát khuẩn. LeoPovidone hầu như không nhuộm màu và không gây kích ứng. Chỉ dùng ngoài da. \* Liều dùng: - Người lớn bôi ngày 2 lần và nếu cần. • Liều trẻ em và người cao tuổi dùng như liều người lớn. **CHỐNG CHỈ ĐỊNH:** • Tiền sử quá mẫn với iod, rối loạn tuyến giáp (đặc biệt bướu giáp nhân colloid, bướu giáp lưu hành và viêm tuyến giáp Hashimoto), thời kỳ mang thai và thời kỳ cho con bú. • Thủng màng nhĩ hoặc bôi trực tiếp lên màng não. • Trẻ nhỏ dưới 2 tuổi, nhất là trẻ đẻ thiếu tháng, trẻ sơ sinh.

**THẬN TRỌNG KHI SỬ DỤNG:** Cần thận trọng khi dùng trên vết thương đối với người bệnh có tiền sử bị bỏng nghiêm trọng hoặc vết thương thủng sâu, bất kỳ dị ứng, phụ nữ trong thời kỳ mang thai và cho con bú. **PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:** Tránh dùng thường xuyên cho phụ nữ có thai và cho con bú, vì iod qua được hàng rào nhau - thai và bài tiết qua sữa. Mặc dù chưa có bằng chứng về nguy hại, nhưng vẫn nên thận trọng và cần cân nhắc giữa lợi ích điều trị và tác dụng có thể gây ra do hấp thu iod đối với sự phát triển và chức năng của tuyến giáp thai nhi. **ẢNH HƯỞNG LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:** Thuốc không ảnh hưởng khi lái xe và vận hành máy móc. **TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC:** • Tác dụng kháng khuẩn bị giảm khi có kiềm và protein. Xà phòng không làm mất tác dụng. • Tương tác với các hợp chất thủy ngân: Gây ăn da. • Thuốc bị mất tác dụng với natri thiosulfat, ánh sáng mặt trời, nhiệt độ cao, và các thuốc sát khuẩn khác. • Có thể cản trở test thăm dò chức năng tuyến giáp. **TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:** Chế phẩm có thể gây kích ứng tại chỗ, mặc dù thuốc ít kích ứng hơn iod tự do. Dùng với vết thương rộng và vết bỏng nặng, có thể gây phản ứng toàn thân. **Thường gặp:** • Iod được hấp thu mạnh ở vết thương rộng và bỏng nặng có thể gây nhiễm acid chuyển hóa, tăng natri huyết và tổn thương chức năng thận. • Đối với tuyến giáp: Có thể gây giảm năng giáp. • Huyết học: Giảm bạch cầu trung tính (ở những người bệnh bị bỏng nặng). • Thần kinh: Co giật (ở những người bệnh điều trị kéo dài). **Ít gặp** • Dị ứng, như viêm da do iod, viêm tuyến nước bọt. Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc. **QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:** • Lượng iod quá thừa sẽ gây bướu giáp, nhược giáp. Dùng chế phẩm nhiều lần trên vùng da tổn thương rộng hoặc bỏng sẽ gây nhiều tác dụng không mong muốn như vị kim loại, tăng tiết nước bọt; đau rát họng và miệng, mắt bị kích ứng, sưng, đau dạ dày, tiêu chảy. • Trong trường hợp uống nhầm một lượng lớn povidon - iod, phải điều trị triệu chứng và hỗ trợ, chú ý đặc biệt đến cân bằng điện giải, chức năng thận và tuyến giáp. **DỮ LỰC HỌC:** Povidon iod (PVP - I) là phức hợp của iod với polyvinylpyrrolidon (povidon), chứa 9 đến 12 % iod, dễ tan trong nước và trong cồn; dung dịch chứa 0,85 - 1,2 % iod có pH 3,0 - 5,5. Povidon được dùng làm chất mang iod. Dung dịch povidon - iod giải phóng iod dần dần, do đó kéo dài tác dụng sát khuẩn diệt khuẩn, virus, động vật đơn bào, và bào tử, vì lượng iod tự do thấp hơn khoảng 1 phần triệu trong dung dịch. **DỮ ĐỘNG HỌC:** Iod thấm được qua da và thải qua nước tiểu. Hấp thu toàn thân phụ thuộc vào vùng và tình trạng sử dụng thuốc (diện rộng, da, niêm mạc, vết thương, các khoang trong cơ thể). Khi dùng làm dung dịch rửa các khoang trong cơ thể, toàn bộ phức hợp cao phân tử povidon - iod cũng có thể được cơ thể hấp thu. Phức hợp này không chuyển hóa hoặc đào thải qua thận. **BẢO QUẢN:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng. **HẠN DÙNG:** 5 năm. **ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ. ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.**